

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1454/2025/DS-ST
Ngày 26-09-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Hoài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vân
2. Bà Mai Thị Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Quang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 26 tháng 09 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 480/2025/TLST-DS ngày 05/06/2025, về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 562/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 08 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 493/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 09 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị L, sinh năm 1961; địa chỉ: Tổ A, ấp C, xã H, (xã H, thị xã T cũ), tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ D, ấp S, xã T (xã T, huyện C cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn trình bày: Ngày 01/02/2024 (ngày âm lịch), bị đơn bà Nguyễn Thị L1 có mượn của nguyên đơn 300.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận 3%/tháng, mức lãi suất này không ghi trong giấy mượn tiền, tuy nhiên bị đơn chưa trả lãi cho nguyên đơn. Ngày 05/05/2025 nguyên đơn đã gửi thông báo cho bị đơn yêu cầu bị đơn trả khoản nợ trên trong thời hạn 12 ngày kể từ ngày 05/05/2025 đến hết ngày 17/05/2025. Mặc dù đã được thông báo nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa trả nợ cho nguyên đơn. Nhận thấy, hành vi của bị đơn đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, vì thế nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị

đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc: 300.000.000 đồng, tiền lãi khoản vay từ tháng 02 năm 2024 cho đến ngày nộp đơn khởi kiện là 40.000.000 đồng, tổng cộng là 340.000.000 đồng. Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên hòa giải 26 tháng 08 năm 2025 nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi là 40.000.000 đồng, chỉ yêu cầu cá nhân bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu chồng bị đơn cùng chịu trách nhiệm trả nợ với bị đơn.

Ý kiến của bị đơn: Bị đơn vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại ở Tòa án năm 2025, đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng và người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do; căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Căn cứ Trích lục khai tử (bản sao) số 425/TLKT-BS ngày 26 tháng 03 năm 2022, Hội đồng xét xử xét thấy ông Bùi Thanh H, sinh năm 1958 (là chồng của nguyên đơn) đã chết ngày 25 tháng 03 năm 2022, chết trước khi nguyên đơn cho bị đơn vay khoản tiền trên nên Tòa án không đưa những người thừa kế của ông H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

[3.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả toàn bộ số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật:

Căn cứ Giấy mượn tiền ngày 1-2-2024 AL, lời khai của nguyên đơn và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng, trong giấy vay nợ các bên không có thỏa thuận về lãi suất và thời hạn trả nợ.

Căn cứ Thông báo đòi nợ và vận đơn của Bưu điện ngày 05/05/2025, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định nguyên đơn đã gửi thông báo đòi nợ cho bị đơn và cho bị đơn thời hạn trả nợ từ ngày 05/05/2025 đến hết ngày 17/05/2025, tuy nhiên đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán nợ cho nguyên đơn; như vậy, bị đơn là người có lỗi vì đã không tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thực hiện hợp đồng vay không kỳ hạn.

Căn cứ quy định tại các Điều 463, 466 và 469 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là hợp pháp nên chấp nhận, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng, phát sinh từ Giấy mượn tiền ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn ngày 1-2-2024 AL, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi là 40.000.000 đồng:

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi tính từ tháng 02 năm 2024 cho đến ngày nộp đơn khởi kiện là 40.000.000 đồng; quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xin rút lại yêu cầu khởi kiện trên; xét thấy, nguyên đơn tự nguyện rút lại yêu cầu trên; căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả khoản tiền lãi tính từ tháng 02 năm 2024 cho đến ngày nộp đơn khởi kiện là 40.000.000 đồng.

[3.3] Bị đơn vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án không có lý do nên phải gánh chịu hậu quả pháp lý của việc không tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.000.000 đồng.

Nguyên đơn được miễn nộp tạm ứng án dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại ở Tòa án năm 2025;

Căn cứ các Điều 463, 466 và 469 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 6, 7, 9 và 30 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Nguyễn Thị L1 phải trả cho bà Trần Thị L số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), phát sinh từ Giấy mượn tiền ký kết giữa bà Trần Thị L và bà Nguyễn Thị L1 ngày 1-2-2024 AL, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L về việc buộc bà Nguyễn Thị L1 phải trả số tiền lãi tính từ tháng 02 năm 2024 cho đến ngày nộp đơn khởi kiện là 40.000.000 đồng.

2. Về án phí:

Bà Trần Thị L được miễn nộp tạm ứng án dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 8-TP. Hồ Chí Minh;
- THA DS TP. Hồ Chí Minh;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Hoài